ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 08 /2022/QĐ-UBND	*Thừa Thiên Huế, ngày 17 tháng 02 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về việc kiểm tra công tác nghiệm thu, giải quyết sự cố và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 5107/TTr-SXD ngày 30 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định về việc kiểm tra công tác nghiệm thu, giải quyết sự cố và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế".

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 02 năm 2022.

2. Quyết định này thay thế Điều 4, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Quyết định số 61/2014/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Các nội dung khác của Quyết định số 61/2014/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế không trái với nội dung Quyết định này vẫn giữ nguyên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- Cục kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp;
- TT.HĐND tỉnh;
- TAND, Viện KSND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Báo Thừa Thiên Huế;
- VP: LĐ và các CV;
- Lưu: VT, XD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Hải Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về việc kiểm tra công tác nghiệm thu, giải quyết sự cố và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

(Kèm theo Quyết định số 08 /2022/QĐ-UBND ngày 17/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định một số nội dung về phân cấp trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước, chủ sở hữu, người quản lý sử dụng công trình trong việc kiểm tra công tác nghiệm thu công trình; bảo trì công trình trong quá trình khai thác sử dụng; đánh giá an toàn công trình, quan trắc công trình; xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm, công trình hết thời hạn sử dụng, phá dỡ công trình xây dựng hết tuổi thọ; giải quyết sự cố công trình xây dựng đối với các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Quy định này không áp dụng đối với các công trình an ninh, quốc phòng thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

3. Các nội dung khác không được quy định tại Quy định này thì thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, các cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến các hoạt động nêu ở khoản 1 Điều 1 Quy định này trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện: Ủy ban nhân dân huyện, thị xã và thành phố Huế.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã: Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

3. Cơ quan quản lý về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện: Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp huyện giao thực hiện các chức năng, nhiệm vụ quản lý xây dựng trên địa bàn cấp huyện.

4. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh: Gồm Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh.

5. Công trình có ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng: Công trình được quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Chương II

KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 4. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công và các dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công có ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng

1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh thuộc lĩnh vực quản lý theo quy định tại khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu công trình bao gồm: công trình cấp II, công trình theo tuyến đi qua 2 huyện trở lên; công trình thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư hoặc ủy quyền quyết định đầu tư; do cơ quan, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh và cấp sở, công ty TNHH NN MTV quyết định đầu tư; trừ các công trình theo quy định tại điểm a, điểm b Khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Cơ quan quản lý về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra công tác nghiệm thu đối với các công trình thuộc dự án xây dựng trên địa bàn hành chính của huyện, trừ các công trình quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 5. Kiểm tra công tác nghiệm thu đối với các dự án sử dụng vốn khác, dự án PPP

Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh thuộc lĩnh vực quản lý theo quy định tại khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP kiểm tra công tác nghiệm thu đối với các công trình có ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng; trừ các công trình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Chương III

BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 6. Trách nhiệm bảo trì công trình xây dựng

1. Công trình chưa xác định chủ sở hữu:

Đối với công trình chưa xác định chủ sở hữu thì người đang quản lý, sử dụng công trình có trách nhiệm bảo trì công trình.

2. Công trình có một chủ sở hữu:

a) Công trình thuộc sở hữu nhà nước thì tổ chức, cá nhân được nhà nước giao quản lý, khai thác công trình có trách nhiệm bảo trì công trình;

b) Công trình thuộc sở hữu khác, chủ sở hữu công trình có trách nhiệm bảo trì công trình;

c) Công trình đầu tư theo hình thức BOT, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp dự án chịu trách nhiệm bảo trì công trình trong thời gian khai thác kinh doanh quy định trong hợp đồng dự án.

3. Công trình có nhiều chủ sở hữu:

a) Đối với nhà ở, các chủ sở hữu có trách nhiệm bảo trì phần sở hữu riêng và thỏa thuận đóng góp kinh phí để bảo trì phần sở hữu chung theo quy định của pháp luật về nhà ở;

b) Đối với công trình còn lại chủ sở hữu phần riêng của công trình có trách nhiệm bảo trì phần sở hữu riêng của mình và đồng thời phải có trách nhiệm bảo trì phần sở hữu chung của công trình. Việc phân định trách nhiệm bảo trì phần sở hữu chung của công trình phải được các chủ sở hữu hoặc người được ủy quyền thỏa thuận cụ thể bằng văn bản hoặc trong hợp đồng mua bán, thuê mua tài sản.

4. Dự án đầu tư xây dựng PPP:

Cơ quan ký kết hợp đồng có trách nhiệm kiểm tra việc tổ chức thực hiện bảo trì công trình xây dựng của doanh nghiệp dự án PPP theo quy định của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Điều 7. Chi phí bảo trì công trình xây dựng

Chi phí bảo trì công trình xây dựng thực hiện theo Điều 35 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình.

Chương IV

ĐÁNH GIÁ AN TOÀN CÔNG TRÌNH, QUAN TRẮC CÔNG TRÌNH

Điều 8. Phạm vi công trình phải đánh giá an toàn, quan trắc công trình

1. Các công trình phải thực hiện đánh giá an toàn trong quá trình khai thác, sử dụng:

a) Các công trình theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về Hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ.

b) Các công trình khác theo quy định của Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.

2. Các công trình phải thực hiện quan trắc trong quá trình khai thác, sử dụng:

a) Các công trình theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BXD.

b) Các công trình khác theo quy định của Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.

Điều 9. Trình tự thực hiện đánh giá an toàn công trình, quan trắc công trình

1. Trình tự thực hiện đánh giá an toàn công trình theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Trình tự thực hiện quan trắc công trình theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 10/2021/TT-BXD.

Điều 10. Nội dung đánh giá an toàn công trình, quan trắc công trình

1. Đánh giá an toàn công trình thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và Điều 17 Thông tư số 10/2021/TT-BXD.

2. Quan trắc công trình trong quá trình khai thác sử dụng thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 10/2021/TT-BXD.

3. Trong công tác bảo trì, các công trình phải được thực hiện quan trắc trong các trường hợp sau:

a) Các công trình quan trọng quốc gia, công trình khi xảy ra sự cố có thể dẫn tới thảm họa.

b) Công trình có dấu hiệu lún, nghiêng, nứt và các dấu hiệu bất thường khác có khả năng gây sập đổ công trình.

c) Theo yêu cầu của chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng.

Điều 11. Tổ chức, thực hiện đánh giá an toàn công trình

1. Trách nhiệm của chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình:

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm của tổ chức đánh giá an toàn công trình:

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

3. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh:

a) Rà soát các công trình xây dựng thuộc đối tượng phải đánh giá an toàn công trình trên địa bàn tỉnh; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quy định lộ trình và yêu cầu chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình tổ chức thực hiện việc đánh giá an toàn công trình theo quy định tại Mục 3 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP thuộc lĩnh vực quản lý theo quy định tại khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

b) Tổ chức thực hiện việc đánh giá an toàn công trình đối với các công trình xây dựng thuộc đối tượng phải đánh giá an toàn công trình chưa xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình thuộc lĩnh vực quản lý theo quy định tại khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Điều 12. Thẩm quyền tiếp nhận và cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình

Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh tiếp nhận báo cáo kết quả đánh giá an toàn công trình của chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình đối với các công trình xây dựng thuộc lĩnh vực quản lý theo quy định tại khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; xem xét và trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đến chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Điều 13. Chi phí đánh giá an toàn công trình

Chi phí đánh giá an toàn công trình theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 10/2021/TT-BXD.

Chương V

XỬ LÝ ĐỐI VỚI CÔNG TRÌNH CÓ DẤU HIỆU NGUY HIỂM, CÔNG TRÌNH HẾT THỜI HẠN SỬ DỤNG, PHÁ DỠ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG.

Điều 14. Xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác, sử dụng

1. Công trình, bộ phận công trình không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng là công trình, bộ phận công trình nguy hiểm, có nguy cơ sập đổ biểu hiện qua các dấu hiệu như nứt, võng, lún, nghiêng đến giá trị giới hạn theo quy định của quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện khi phát hiện hoặc được thông tin hạng mục công trình, công trình trên địa bàn quản lý có dấu hiện nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác, sử dụng thì thực hiện theo khoản 2 Điều 40 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

3. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, chủ sở hữu, người quản lý sử dụng công trình thực hiện ngay các biện pháp an toàn, bao gồm hạn chế sử dụng công trình, di chuyển người và tài sản để đảm bảo an toàn (nếu cần thiết).

Điều 15. Xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế

Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh có trách nhiệm:

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố công trình xây dựng hết thời hạn sử dụng trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với công trình có ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Rà soát các công trình xây dựng không đủ cơ sở để xác định thời hạn sử dụng theo quy định tại khoản 1 Điều này, yêu cầu chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình tổ chức thực hiện các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

3. Tổ chức thực hiện việc xác định thời hạn sử dụng đối với các công trình chưa xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình và xử lý theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

4. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc thông báo cho chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình về việc dừng sử dụng công trình và yêu cầu chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình có trách nhiệm phá dỡ công trình và thời gian thực hiện việc phá dỡ công trình đối với các công trình không tiếp tục sử dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 41 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Chương VI

GIẢI QUYẾT SỰ CỐ TRONG THI CÔNG VÀ KHAI THÁC, SỬ DỤNG CÔNG TRÌNH.

Điều 16. Phân cấp giải quyết sự cố công trình xây dựng

1. Khi xảy ra sự cố, chủ đầu tư và nhà thầu thi công xây dựng công trình, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng có trách nhiệm thực hiện các biện pháp kịp thời để tìm kiếm, cứu hộ, bảo đảm an toàn cho người và tài sản, hạn chế và ngăn ngừa các nguy hiểm có thể tiếp tục xảy ra; tổ chức bảo vệ hiện trường sự cố và thực hiện báo cáo theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP. Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh chỉ đạo, hỗ trợ các bên có liên quan tổ chức lực lượng tìm kiếm cứu nạn, bảo vệ hiện trường sự cố và thực hiện các công việc cần thiết khác trong quá trình giải quyết sự cố. Trong trường hợp xảy ra sự cố đặc biệt nghiêm trọng gây thiệt hại lớn về người và vật chất thì báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, giải quyết.

2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết sự cố công trình xây dựng thuộc lĩnh vực quản lý theo quy định tại khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; trừ các công trình đã giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, đã giao cho Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chủ trì giải quyết sự cố công trình xây dựng cấp III trên địa bàn quản lý.

4. Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh có trách nhiệm chủ trì giải quyết sự cố công trình xây dựng cấp III trên địa bàn quản lý.

Điều 17. Giám định nguyên nhân sự cố

1. Thẩm quyền chủ trì tổ chức giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng:

Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh chủ trì tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình thuộc lĩnh vực quản lý theo quy định tại khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, trừ các sự cố công trình thuộc điểm b, điểm c khoản 1 Điều 46 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Nội dung thực hiện, chi phí giám định nguyên nhân sự cố:

Thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 46 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Điều 18. Điều tra sự cố về máy, thiết bị

1. Thẩm quyền điều tra sự cố về máy, thiết bị:

Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh chủ trì điều tra sự cố về máy, thiết bị xảy ra trên công trình xây dựng thuộc lĩnh vực quản lý theo quy định tại khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, trừ các sự cố thuộc điểm b, điểm c khoản 1 Điều 50 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Nội dung thực hiện điều tra sự cố về máy, thiết bị

Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 50 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Xử lý đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm

1. Khi phát hiện vi phạm của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp có trách nhiệm:

a) Yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan khắc phục các vi phạm;

b) Trường hợp cần thiết, lập biên bản gửi Thanh tra xây dựng hoặc Thanh tra lao động để xử lý theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm;

c) Công bố tên và hành vi vi phạm của các tổ chức, cá nhân trên trang thông tin điện tử của cơ quan chuyên môn về xây dựng;

d) Tạm dừng thi công xây dựng công trình, tạm dừng sử dụng máy, thiết bị nếu phát hiện nguy cơ mất an toàn, nguy cơ xảy ra sự cố công trình ảnh hưởng đến an toàn tính mạng, công trình lân cận và cộng đồng. Thẩm quyền tạm dừng thi công xây dựng công trình, tạm dừng sử dụng máy, thiết bị được quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Thẩm quyền tạm dừng thi công xây dựng công trình, tạm dừng sử dụng máy, thiết bị:

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tạm dừng thi công xây dựng công trình, tạm dừng sử dụng máy, thiết bị trên địa bàn tỉnh thuộc lĩnh vực quản lý theo quy định tại khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

b) Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức kiểm tra việc khắc phục của chủ đầu tư và các nhà thầu tham gia hoạt động xây dựng; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép tiếp tục thi công, quyết định cho phép tiếp tục sử dụng máy, thiết bị bằng văn bản sau khi chủ đầu tư và các nhà thầu có báo cáo về việc khắc phục các tồn tại, đảm bảo các yêu cầu về an toàn của công trình.

Điều 20. Xử lý vi phạm

1. Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế nếu có hành vi vi phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp vi phạm các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sẽ phải bồi thường thiệt hại.

2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, theo dõi, kiểm tra sự tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng của các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng trên địa bàn; xác định các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm gây ảnh hưởng đến chất lượng công trình để đề nghị cấp có thẩm quyền công bố tên và hành vi vi phạm của các tổ chức, cá nhân này trên trang thông tin điện tử của cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh.

Điều 21. Xử lý chuyển tiếp

1. Công trình xây dựng khởi công sau ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện công tác kiểm tra nghiệm thu thực hiện theo Quy định này.

2. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại Điều 53 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối, tổ chức hướng dẫn, kiểm tra các sở, ngành, địa phương, các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện quy định này; định kỳ hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng kết quả thực hiện.

2. Các Sở: Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương; Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Quy định này; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng định kỳ hằng năm vào ngày 20 tháng 11 và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, các ngành, các cấp, các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan phản ánh bằng văn bản về Sở Xây dựng để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi bổ sung cho phù hợp./.